TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 152/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2025
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Bửu Khánh
Ông Huỳnh Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên Tòa***: bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 678/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc : Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa :

-*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bạch M, sinh năm: 1999 (có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
-*Bị đơn*: Anh Võ Văn T, sinh năm: 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch M trình bày: Chị và anh T trước khi lấy nhau có tìm hiểu quen biết trước và được gia đình hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống giữa chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể nào hàn gắn. Nguyên nhân được chị M xác định giữa chị và anh T không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đời sống chung của vợ chồng hiện không còn. Xét thấy, có tiếp tục chung sống cũng mang lại kết quả nên chị yêu cầu giải quyết được ly hôn anh T. Về con chung, chị và anh T có một con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 23/9/2016. Hiện nay, con đang sống với anh T, chị tự nguyện giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bạch M và vắng mặt tham gia tố tụng.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Võ Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị M yêu cầu ly hôn với anh T với lý do giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thẫn không có tiếng nói chung và giữa vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị M được ly hôn anh T.

Về con chung: chị M xác định chị và anh T có một con chung một con chung tên Võ Gia B. sinh ngày 23/9/2016, đang sống với anh T, cháu B có ý kiến sống với anh T, chị M cũng tự nguyện giao con cho anh T nuôi và không cấp dưỡng. Anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu của chị M cũng như không có yêu cầu chị M cấp dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao con chung Võ Gia B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.Về tài sản và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T cũng không có yêu cầu chia tài sản và nợ chung nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: buộc chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về trình tự tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bạch M khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Võ Văn T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Võ Văn T với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Võ Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh T nhưng anh T vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng

căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Võ Văn T tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống được chị M xác định giữa anh chị không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn phát sinh, giữa chị và anh T không còn tình cảm và cũng không chung vợ chồng với nhau trong khoảng thời gian dài. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, giữa chị M và anh T đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng nên chị M yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị M được ly hôn anh T.

[2.2]Về con chung: chị M xác định chị và anh T có một con chung một con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 23/9/2016. Hiện nay, con đang sống với anh T, chị M tự nguyện giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng xét theo nguyện vọng của con, con ở với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến gì về con chung và không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối gì nên xét thấy cháu Bảo hiện đã trên 7 tuổi và có ý kiến sống với anh T. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao con chung Võ Gia Bảo cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T cũng không có yêu cầu chia tài sản và nợ chung nên đề nghị không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Bạch M phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009071 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bạch M được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Gia B, sinh ngày 23/9/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con. do anh T không yêu cầu.

Chị M có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Bạch M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009071 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị M được tính kể từ tuyên án (17-3-2025); Anh T được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Thị Cẩm Hương